

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Tinh

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

Trước khi tiến đến hôn nhân, bà Huỳnh Thị B và ông Phan Văn T cũng có thời gian tìm hiểu nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An ngày 13/10/2006. Vợ chồng làm ăn, sinh sống tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An từ năm 2005 cho đến nay và có một con chung tên Phan Thị Xuân T1, sinh ngày 09/9/2005 đã lấy chồng và sống tự lập.

Bà B cho rằng cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện tại bà B đã

sống ly thân với ông T từ năm 2018 đến nay, mỗi người có một cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Do đó bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; Về con chung: Không yêu cầu giải quyết vì con chung của bà và ông T đã thành niên và sống tự lập. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên Tòa, không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Phan Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B và ông Phan Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 13/10/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp, bà B yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà B cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau nữa nên khả năng hàn gắn không còn.

[2.3] Ông Phan Văn T vắng mặt nhiều lần mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng, không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như hai lần mở phiên Tòa, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B.

[2.4] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị B.

[3] Về con chung: Con chung của bà B và ông T là em Phan Thị Xuân T1, sinh ngày 09/9/2005 đã thành niên, đã lập gia đình và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà B trình bày không có nợ chung và tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị B.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004127 ngày 30/6/2023 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh